

Bản án số: **168** /2018/HS-PT

Ngày: 28-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Tấn Lợi**

Các thẩm phán: Ông **Trương Phước Tự**

Ông **Huỳnh Thanh Mỹ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Nghĩa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Kim Hóa** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 137/2018/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Bé M.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1965, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: tổ 3x, khóm D, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn Nh (đã chết) và bà Huỳnh Thị T (đã chết); Có chồng tên: Nguyễn Thái B, sinh năm 1966 (đã chết); Có 02 người con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại không kháng cáo: Ông **Võ Văn C**, sinh năm: 1951 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, trong vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ ngày 17/01/2018, Nguyễn Hoàng P điều khiển xe mô tô biển số 66P1-266.5x chở mẹ ruột là Nguyễn Thị Bé M từ nhà ở thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đến chơi tại đại lý vật tư nông nghiệp “Sáu C” thuộc ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Võ Văn C làm chủ, Bé M là người quen biết với ông C. Khi đến nơi, P ngồi trước cửa đại lý uống nước còn Bé M vào phòng làm việc của ông C nói chuyện với bà Trần Thị G (vợ ông C). Đến khoảng 15 giờ, lợi dụng lúc bà G bận bán hàng Bé M lấy giỏ xách để dưới gầm bàn, trong phòng làm việc của ông C, giấu vào áo khoác đang mặc rồi đi vào nhà vệ sinh mở giỏ lấy trộm số tiền 38.000.000đ. Sau đó, Bé M để lại giỏ xách ở nhà vệ sinh rồi quay trở ra nói với vợ chồng ông C đi về. Đến 17 giờ cùng ngày, vợ chồng ông C phát hiện cái giỏ nằm trong nhà vệ sinh, kiểm tra phát hiện bị mất 38.000.000đ nên đến thành phố C tìm Bé M nhưng không gặp. Đến ngày 18/01/2018, ông Công đến Công an xã T1 trình báo sự việc.

Đối với Nguyễn Thị Bé M, trên đường về nhà đã nói cho P biết lấy trộm tiền của ông C đồng thời bảo P ghé tiệm vàng “Tr” thuộc xã B, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Thị Kim P1 làm chủ mua 01 chiếc nhẫn, 01 đôi bông tai và 01 sợi dây chuyền vàng 18K với tổng số tiền là 8.850.000đ. Số nữ trang này, Bé M cho con ruột là Nguyễn Hoàng P 01 chiếc nhẫn và Nguyễn Thị Phương H 01 đôi bông tai, cho con dâu Trần Thị Huế T1 (vợ P) 01 sợi dây chuyền.

Ngày 20/01/2018, Nguyễn Thị Bé M hỏi mượn Nguyễn Thị M1 ngụ xã M, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp số tiền 5.000.000đ. Số tiền còn lại sau khi lấy trộm của ông C và tiền mượn của bà M1, Bé M đã sử dụng như sau:

- Cho con rể Nguyễn Minh T2 (chồng của Nguyễn Thị Phương H) mượn 150.000đ;
- Cho con dâu Trần Thị Huế T1 2.000.000đ;
- Bị cáo M trả nợ tổng cộng 19.105.000đ gồm: Nguyễn Văn T3 (2.600.000đ); Võ Văn L (3.600.000đ); Nguyễn Kim H1 (2.000.000đ); Lê Minh H2 (2.400.000đ); Nguyễn Thuý O (2.000.000đ); Nguyễn Thị Tuyết H3 (800.000đ); Nguyễn Ngọc T4 (750.000đ); Nguyễn Thị Bé N (1.475.000đ);

Nguyễn Thị M1 (1.480.000đ); Nguyễn Chí T5 (1.200.000đ); Phạm Thị B1 (800.000đ);

- Trả nợ cho thanh niên nói giọng Bắc ở thành phố S (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) số tiền 960.000đ;

- Cho P 1.015.000đ chuộc điện thoại tại tiệm cầm đồ “Thuỷ T” thuộc phường A, thành phố C do Lê Thị Kim T6 làm chủ và 360.000đ mua cục sạc điện thoại tại cửa hàng “Mai P2” thuộc phường S, thành phố C do Phạm Nguyễn Hồng T7 làm chủ.

- Tiêu xài cá nhân tổng cộng 8.560.000đ;

- Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ 2.000.000đ khi bị mời làm việc vào ngày 23/01/2018.

Tổng số tiền Nguyễn Thị Bé M đã chi sau khi lấy trộm tiền của ông C vào ngày 17/01/2018 đến ngày bị Cơ quan điều tra mời làm việc 23/01/2018 là 43.000.000đ.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ các tài sản sau:

- Tiền Việt Nam 2.000.000đ do Nguyễn Thị Bé M giao nộp;

- 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 xe mô tô biển số 66P1-266.50 do Nguyễn Hoàng P giao nộp;

- 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng do Nguyễn Thị Phương H giao nộp;

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng và tiền Việt Nam 1.000.000đ do Trần Thị Huế T1 giao nộp;

- Tiền Việt Nam tổng cộng 11.825.000đ do Nguyễn Thuý O, Phạm Thị B1, Nguyễn Kim H1, Võ Văn L, Nguyễn Thị Bé N, Nguyễn Ngọc T4, Nguyễn Chí T5, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Minh T2, Nguyễn Thị Tuyết H3, Lê Thị Kim T6, Phạm Nguyễn Hồng T7 giao nộp.

Ngày 25/01/2018, chị Nguyễn Thị Phương H đã thoả thuận bồi thường cho ông Võ Văn C số tiền 38.000.000đ. Ông C đã nhận đủ tiền, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Bé M. Chị H không yêu cầu Bé M trả lại số tiền đã bồi thường cho ông C, đồng thời đồng ý trả lại các tài sản mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ cho những người đã giao nộp.

Đến ngày 27/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả các tài sản đã tạm giữ cho những người nêu trên. Riêng 2.000.000đ của Nguyễn Thị Bé M, cơ quan điều tra vẫn còn đang tạm giữ.

Qua điều tra xác định Nguyễn Thị Phương H, Trần Thị Huế T1, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn T3; Võ Văn L; Nguyễn Kim H1; Lê Minh H2; Nguyễn Thuý O; Nguyễn Thị Tuyết H3; Nguyễn Ngọc T4; Nguyễn Thị Bé N; Nguyễn Thị M1; Nguyễn Chí T5; Phạm Thị B1, Lê Thị Kim T6, Phạm Nguyễn Hồng T7 khi giao nhận tài sản không biết là do Nguyễn Thị Bé M trộm mà có.

Đối với Nguyễn Hoàng P, sau khi biết Nguyễn Thị Bé M lấy trộm tiền đã khuyên Bé M trả lại tài sản cho ông Võ Văn C. Đồng thời khi Bé M bị Cơ quan điều tra mời làm việc, P đã tích cực hỗ trợ Cơ quan điều tra xác minh làm rõ số tiền đầu ra mà Bé M đã sử dụng từ tiền lấy trộm của ông C, mặc dù tại Cơ quan điều tra, Bé M chỉ thừa nhận lấy trộm 18.582.000đ của ông C.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Bé M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173 và Điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bé M, 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được trừ những ngày bị tạm giữ từ ngày 23/01/2018 đến ngày 01/02/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03 tháng 6 năm 2018, bị cáo Nguyễn Thị Bé M có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại ông Võ Văn C có văn bản ngày 01 tháng 6 năm 2018 xin cho bị cáo được hưởng án treo hoặc nếu tù giam thì mức thấp nhất là 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bé M về việc xin được hưởng án treo do số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là lớn 38.000.000 đồng. Tuy nhiên cần xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bé M do tại

phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo thừa nhận lấy trộm số tiền của bị hại Võ Văn C là 38.000.000 đồng như trình bày của ông C, đồng thời bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, ngoài ra ông C cũng tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa quyết định của bản án hình sự sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bé M từ 01 tháng đến 03 tháng tù.

Trong phần tranh luận bị cáo Nguyễn Thị Bé M không có tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên như nêu trên, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 15 giờ ngày 17/01/2018, bị cáo Nguyễn Thị Bé M cùng con ruột là anh Nguyễn Hoàng P đến chơi tại nhà bị hại Võ Văn C là chủ đại lý vật tư nông nghiệp “Sáu C” thuộc ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Trong lúc nói chuyện với bà Trần Thị G (vợ ông C) trong phòng làm việc của ông C. Lợi dụng lúc bà G bận bán hàng bị cáo lấy giỏ xách đang để dưới gầm bàn và giấu vào áo khoác đang mặc rồi đi vào nhà vệ sinh mở giỏ lấy trộm số tiền 38.000.000đ. Sau đó, bị cáo để lại giỏ xách ở nhà vệ sinh rồi quay trở ra nói với vợ chồng ông C đi về. Đến 17 giờ cùng ngày, vợ chồng ông C phát hiện cái giỏ nằm trong nhà vệ sinh, kiểm tra phát hiện bị mất 38.000.000đ nên đến thành phố C tìm bị cáo nhưng không gặp. Đến ngày 18/01/2018, ông C đến Công an xã T1 trình báo sự việc, khi bị Công an mời làm việc bị cáo Bé M đã thừa nhận hành vi phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” của mình.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Bé M là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, đã gây mất trật tự trị an. Với bản tính tham lam, muốn có tiền nhanh chóng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân mà không phải lao động vất vả, bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác đã lén lút lấy trộm tiền của ông Võ Văn C được để trong giỏ với số tiền 38.000.000đ. Rõ ràng bị cáo nhận thức được hành vi của

mình là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bé M về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng người, đúng tội và có căn cứ. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bé M đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và đã thừa nhận lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Võ Văn C với số tiền 38.000.000 đồng, mặt khác tại phiên tòa ông C cũng tiếp tục yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bé M, đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng, do ở cấp sơ thẩm bị cáo chưa thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của mình đối với số tiền 38.000.000 đồng. Với hành vi phạm tội của bị cáo như nêu trên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bé M về việc xin được hưởng án treo, tuy nhiên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt do xét thấy bị cáo phạm tội mang tính nhất thời và có tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy sửa quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Thị Bé M là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bé M được chấp nhận một phần, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355; Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bé M về việc xin được hưởng án treo; chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Sửa quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Bé M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173 và điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bé M, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được trừ những ngày bị tạm giữ từ ngày 23/01/2018 đến ngày 01/02/2018.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Bé M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC – (Vụ GD-KT 1)
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Cơ quan CSĐT CA huyện C;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (N).

Ngô Tấn Lợi